

BÁO CÁO
Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025

Ngày 15/5/2026 tại Hà Nội, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2025.

Sau 21 năm triển khai liên tục, PCI năm nay được nâng cấp lên phiên bản PCI 2.0 với 9 chỉ số thành phần và 98 chỉ tiêu đánh giá. Các tiêu chí gồm: gia nhập thị trường, tiếp cận nguồn lực, tính minh bạch, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thiết chế pháp lý và chính quyền kiến tạo.

Sở Tài chính kính báo cáo, phân tích tình hình PCI năm 2025 của tỉnh như sau:

1. Phân tích tình hình PCI 2025

Báo cáo Chỉ số PCI năm 2025 có sự tham gia đánh giá của 3.546 doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam.

Năm nay, VCCI không xếp hạng các tỉnh theo thứ tự mà phân vào các nhóm điều hành Tốt, Khá, Trung bình, Tương đối thấp và Thấp theo nguyên tắc sau:

Nhóm	Quy tắc	Ngưỡng điểm PCI 2025
Rất tốt	Điểm PCI $\geq$ (trung bình + 2 SD)	$\geq 70,80$
Tốt	$(\text{trung bình} + 1 \text{ SD}) \leq \text{Điểm PCI} < (\text{trung bình} + 2 \text{ SD})$	[67,28 - 70,80)
Khá	$\text{trung bình} \leq \text{Điểm PCI} < (\text{trung bình} + 1 \text{ SD})$	[63,76 - 67,28)
Trung bình	$(\text{trung bình} - 1 \text{ SD}) \leq \text{Điểm PCI} < \text{trung bình}$	[60,23 - 63,76)
Tương đối thấp	$(\text{trung bình} - 2 \text{ SD}) \leq \text{Điểm PCI} < (\text{trung bình} - 1 \text{ SD})$	[56,71 - 60,23)
Thấp	Điểm PCI $< (\text{trung bình} - 2 \text{ SD})$	$< 56,71$

2. Chỉ số PCI của Gia Lai năm 2025

Theo bảng đánh giá PCI năm 2025 tỉnh Gia Lai nằm trong nhóm có chất lượng điều hành Khá. Điểm số PCI cao hơn trung vị cả nước +0,97 điểm.

Năm nay, các chỉ số thành phần của PCI có sự thay đổi, điều chỉnh giảm từ 10 chỉ số thành phần xuống còn 9 chỉ số; đồng thời, thay đổi các tiêu chí đánh giá trong từng chỉ số thành phần.

Bảng điểm các chỉ số thành phần tỉnh Gia Lai

PCI 2025					
Chỉ số thành phần	Điểm số địa phương	Trung vị (vùng)	Trung vị (cả nước)	Thấp nhất (cả nước)	Cao nhất (cả nước)
CSTP 01 - Gia nhập thị trường	5,28	5,51	7,07	5,28	8,70
CSTP 02 - Tiếp cận nguồn lực	5,43	5,43	6,05	4,07	6,69
CSTP 03 - Tính minh bạch	7,18	6,57	6,93	5,30	7,78
CSTP 04 - Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính	7,79	7,61	7,31	5,93	8,93
CSTP 05 - Chi phí không chính thức	7,68	7,68	7,60	6,01	8,32
CSTP 06 - Cạnh tranh bình đẳng	5,05	5,38	5,51	4,40	7,75
CSTP 07 - Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	6,01	5,89	5,43	4,37	6,87
CSTP 08 - Thiết chế pháp lý	7,34	7,30	7,29	6,01	7,94
CSTP 09 - Chính quyền kiến tạo	6,12	6,12	5,46	2,78	6,67

*** Đánh giá chung:**

Theo khảo sát PCI 2025, phản ứng của doanh nghiệp trước các khó khăn cũng cho thấy xu hướng thận trọng là chủ đạo. Phần lớn doanh nghiệp (67,3%) lựa chọn duy trì hoạt động ổn định thay vì điều chỉnh mạnh. Khoảng 24,9% buộc phải thu hẹp sản xuất, trong khi chỉ 7,7% cho biết tìm được cơ hội mới để mở rộng và tăng trưởng. Cơ cấu này phản ánh việc doanh nghiệp chủ yếu đang thích ứng với khó khăn hiện tại, hơn là chủ động tìm kiếm động lực tăng trưởng mới.

Trong bối cảnh đó, những hạn chế trong khả năng mở rộng thị trường và tìm kiếm khách hàng trở thành một trong những rào cản then chốt.

3. Phân tích các chỉ số thành phần

3.1. Gia nhập thị trường

Năm 2025, chỉ số Gia nhập thị trường đạt 5,28 điểm.

- Các doanh nghiệp được khảo sát cho biết mất trung bình 07 ngày để hoàn thành thủ tục Đăng ký doanh nghiệp (trung bình cả nước là 06 ngày).

- Có 18% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (trung bình cả nước là 16,5%).

- Có 27% doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục ĐKDN (trung bình cả nước 11%).

- Có 38,89% doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ ĐKDN từ 2 lần trở lên (trung bình cả nước là 37,98%).

- Có 52,17% doanh nghiệp được khảo sát cho biết được hướng dẫn thủ tục ĐKDN rõ ràng, đầy đủ (trung bình cả nước 56,83%).

- Có 27,27% doanh nghiệp được khảo sát cho biết được hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (trung bình cả nước 67,66%).

- Có 36,36% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (trung bình cả nước 64,32%).

- Có 36,36% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (trung bình cả nước 70,71%).

- Có 27,27% doanh nghiệp được khảo sát cho biết chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (trung bình cả nước 63,64%).

- Có 18,18% doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (trung bình cả nước 16,5%).

- Có 23,53% doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do khó khăn khi đăng ký doanh nghiệp động (trung bình cả nước 16,18%).

- Có 43,75% doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (trung bình cả nước 25%).

Các chỉ tiêu trên cho thấy môi trường gia nhập thị trường và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế, đặc biệt đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện.

Vấn đề lớn nhất trong đánh giá chỉ số gia nhập thị trường bị thấp điểm là do nhóm thủ tục cấp phép đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện quá thấp; đây chính là nguyên nhân định lượng lớn nhất làm kéo điểm gia nhập thị trường của tỉnh xuống thấp; đây là trách nhiệm của các Sở, ngành cấp các điều kiện kinh doanh. Cụ thể:

- Thời gian xử lý thủ tục thành lập doanh nghiệp trong năm 2025: Qua bảng số liệu từ Hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia thì trong năm 2025 thời gian

trung bình của tất cả thủ tục đăng ký doanh nghiệp (kể cả mới và thay đổi) đều không quá **04 ngày làm việc**, thời gian cấp mới là **2,2 ngày** và dài nhất là thời gian trung bình đăng ký giải thể 3,68 ngày

- Thời gian thời gian xử lý thủ tục thành lập doanh nghiệp từ 01/1/2026 đến 31/3/2026: Thời gian đầu triển khai quy định cấp 03 giờ làm việc đối với 6 thủ tục cấp mới, thời gian đã rút ngắn đáng kể từ 2,22 ngày xuống còn **0,51 ngày** (tương đương 4,16 giờ làm việc).

- Thời gian thời gian xử lý thủ tục thành lập doanh nghiệp từ 01/4/2026 đến 23/5/2026: Sau khi hệ thống trao đổi thông tin vận hành thông suốt (hệ thống thuế đã trả mã số đáp ứng trong thời gian 01h và các điều kiện khác đáp ứng) thì thời gian cấp mới đã rút ngắn đạt **0.39 ngày** (tương đương 3,12 giờ làm việc).

Do đó, kết quả khảo sát đáng giá thời gian hoàn thành trung bình thủ tục đăng ký doanh nghiệp của tỉnh là 07 ngày không thể hiện đúng thực tế dữ liệu thời gian mà Sở Tài chính đang thực hiện từ Hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Trong năm 2025 tất cả các quy định về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh đều được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới như Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp thay thế Nghị định 01/2021/NĐ-CP, Thông tư 68/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính về ban hành Thông tư ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính: tất cả hồ sơ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đều 100% qua mạng, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu, cùng Quyết định 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam mới tạo ra giai đoạn chuyển tiếp về mã ngành, mô tả ngành nghề. Do đó doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn bước đầu khi soạn thảo và nộp hồ sơ điều này đã ảnh hưởng đến tỷ lệ hồ sơ bị yêu cầu sửa đổi sẽ tăng so với các năm.

3.2. Tiếp cận nguồn lực

Năm 2025, chỉ số Tiếp cận nguồn lực đạt 5,43 điểm.

- Có 27,06% doanh nghiệp được khảo sát cho biết gặp khó khăn trong tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (trung bình cả nước là 22,7%).

- Có 66,67% doanh nghiệp được khảo sát cho biết thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn quy định (trung bình cả nước là 54,9%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao) của tỉnh là 1,88 điểm (trung bình cả nước là 1,82).

- Có 31,58% doanh nghiệp được khảo sát cho biết không làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà hoặc cán bộ nhũng nhiễu (trung bình cả nước là 13,19%).

- Có 50% doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính đất đai (trung bình cả nước là 50%).

- Có 27,27% doanh nghiệp nhỏ và vừa cho rằng tiếp cận được các khoản vay từ tổ chức tín dụng (trung bình cả nước là 25,94%).

- Có 22,35% doanh nghiệp được khảo sát cho biết chính quyền tỉnh chủ động trong việc tổ chức các chương trình kết nối doanh nghiệp và ngân hàng (trung bình cả nước là 14,2%).

- Có 48,98% doanh nghiệp được khảo sát cho biết các chính sách hỗ trợ lãi suất của tỉnh là dễ tiếp cận và thực chất (trung bình cả nước là 53,09%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá mức độ sẵn có và dễ dàng tiếp cận các cơ sở dữ liệu mở của tỉnh (1: rất khó/không thể tiếp cận; 5: rất dễ) là 2,57 điểm (trung bình cả nước là 2,87 điểm).

- Có 55,84% doanh nghiệp được khảo sát cho biết các nền tảng số dùng chung do tỉnh cung cấp để hỗ trợ doanh nghiệp có chất lượng tốt (trung bình cả nước là 59,14%).

Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh vẫn còn những điểm nghẽn đáng kể, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, thủ tục hành chính và mức độ minh bạch thông tin. Mặc dù chính quyền đã có nỗ lực trong hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là kết nối tín dụng và chuyển đổi số, tuy nhiên hiệu quả thực chất mà doanh nghiệp cảm nhận được còn hạn chế.

Các thủ tục đất đai tiếp tục là lĩnh vực gây nhiều khó khăn, làm gia tăng chi phí tuân thủ, kéo dài thời gian triển khai dự án và ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.3. Tính minh bạch

Năm 2025, chỉ số Tính minh bạch đạt 7,18 điểm.

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ) của tỉnh là 3,0 điểm (trung bình cả nước là 3,0 điểm).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá khả năng tiếp cận tài liệu pháp lý của tỉnh là 3,0 điểm (1=Không thể; 5=Rất dễ) (trung bình cả nước là 3,0 điểm).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá mức độ hữu ích của thông tin được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh là 2,4 điểm (từ 1-5; điểm cao hơn = tốt hơn) (trung bình cả nước là 2,5 điểm).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá độ mở Cổng thông tin điện tử chính quyền cấp tỉnh là 62,97 điểm (thang điểm 100) (trung bình cả nước là 58,4 điểm).

- Có 35,71% doanh nghiệp được khảo sát cho biết cần có 'mối quan hệ' để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc thuận lợi (trung bình cả nước là 32,97%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá mức độ kịp thời doanh nghiệp nhận được thông tin dự thảo chính sách là 3,0 điểm (từ 1-5; điểm cao hơn = tốt hơn) (trung bình cả nước là 3,0 điểm).

- Có 61,9% doanh nghiệp được khảo sát cho biết nhận được phản hồi và giải quyết thỏa đáng sau khi gửi kiến nghị, phản ánh (trung bình cả nước là 50%).

- Có 54,55% doanh nghiệp được khảo sát cho biết các hiệp hội doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách của tỉnh (trung bình cả nước là 59,17%).

- Có 66,67% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng hoạt động đấu thầu công khai minh bạch (trung bình cả nước là 90,54%).

- Có 42,86% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng có thể dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (trung bình cả nước là 41,39%).

- Có 48,78% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng có thể dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (trung bình cả nước là 46,50%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá tính công khai, minh bạch của tỉnh là 16,04 điểm (Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang điểm 100) (trung bình cả nước là 15,31 điểm).

Tỉnh đã có những chuyển biến nhất định trong công khai thông tin, cải thiện khả năng phản hồi doanh nghiệp và nâng cao tính minh bạch hành chính.

Tuy nhiên, chất lượng tiếp cận và khai thác thông tin của doanh nghiệp vẫn chưa cao; tính minh bạch thực chất trong giải quyết công việc và hoạt động đấu thầu vẫn còn là vấn đề đáng quan tâm.

Một bộ phận doanh nghiệp vẫn cho rằng cần có “mối quan hệ” để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc thuận lợi, cho thấy niềm tin vào tính công bằng và cạnh tranh bình đẳng của môi trường kinh doanh chưa thực sự vững chắc.

3.4. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Năm 2025, chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đạt 7,79 điểm.

- Có 42,7% doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải dành 10% quỹ thời gian của lãnh đạo để làm việc với các cơ quan nhà nước và tuân thủ quy định (trung bình cả nước là 37,4%).

- Có 91,25% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng cán bộ nhà nước thân thiện (trung bình cả nước là 90,32%).

- Có 83,75% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (trung bình cả nước là 80,88%).

- Có 86,08% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng thời gian thực hiện thủ tục hành chính được rút ngắn hơn so với quy định (trung bình cả nước là 80,28%).

- Có 69,32% doanh nghiệp được khảo sát cho biết không gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến (trung bình cả nước là 88,94%).

- Có 89,77% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp tiết giảm thời gian (trung bình cả nước là 89,17%).

- Có 76,14% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp tiết giảm chi phí (trung bình cả nước là 89,37%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá tiến độ giải quyết thủ tục hành chính (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100) của tỉnh là 19,41 điểm (trung bình cả nước là 19,40 điểm).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá chất lượng dịch vụ trực tuyến (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100) của tỉnh là 11,68 điểm (trung bình cả nước là 10,11 điểm).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá kết quả số hóa hồ sơ của tỉnh là 21,52 điểm (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100) (trung bình cả nước là 21,01 điểm).

- Có 14,81% doanh nghiệp được khảo sát cho biết bị thanh kiểm tra từ 2 lần trở lên một năm (trung bình cả nước là 13,85%).

- Có 9,38% doanh nghiệp được khảo sát cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (trung bình cả nước là 8,89%).

Bộ máy hành chính của tỉnh được doanh nghiệp đánh giá khá tích cực về thái độ phục vụ, hiệu quả xử lý công việc và nỗ lực cải cách thủ tục hành chính. Công tác số hóa, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giải quyết hồ sơ có chuyển biến tương đối tốt so với mặt bằng chung cả nước.

Tuy nhiên, chi phí tuân thủ hành chính của doanh nghiệp vẫn còn cao; doanh nghiệp vẫn phải dành nhiều thời gian làm việc với cơ quan nhà nước và gặp khó khăn nhất định khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến. Điều này cho

thấy cải cách hành chính và chuyển đổi số tuy đã cải thiện ở cấp độ quản lý và xử lý nội bộ, nhưng trải nghiệm thực tế của doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thuận lợi và thông suốt.

3.5. Chi phí không chính thức

Năm 2025, chỉ số Chi phí không chính thức đạt 7,68 điểm.

- Có 36,36% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng doanh nghiệp thường phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ nhà nước tại địa phương (trung bình cả nước là 45,03%).

- Mức trung bình số lĩnh vực quản lý mà doanh nghiệp báo cáo có phát sinh chi phí không chính thức của tỉnh là 0,28 (trung bình cả nước là 0,46).

- Có 3,03% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng hoạt động thanh, kiểm tra có phát sinh chi phí không chính thức (trung bình cả nước là 12,5%).

- Có 50% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng chi trả chi phí không chính thức là bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (trung bình cả nước là 33,33%).

- Có 14,49% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng tình trạng chạy án là phổ biến (trung bình cả nước là 13,81%).

- Có 3,85% doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức (trung bình cả nước là 3,41%).

- Có 54,67% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng tình trạng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính là phổ biến (trung bình cả nước là 46,86%).

- Có 64,71% doanh nghiệp được khảo sát cho biết chi phí không chính thức luôn hoặc thường giúp công việc được giải quyết như mong muốn (trung bình cả nước là 66,25%).

Tình trạng các doanh nghiệp phải chi trả chi phí không chính thức tại tỉnh chưa phải phổ biến trên diện rộng và một số lĩnh vực đã được kiểm soát tốt hơn mức trung bình cả nước, đặc biệt trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn cảm nhận khá rõ tình trạng nhũng nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính và cho rằng cơ chế chi phí không chính thức vẫn có tác động đáng kể đến hiệu quả xử lý công việc.

Đặc biệt, lĩnh vực đấu thầu đang bị đánh giá có rủi ro cao về tính minh bạch và cạnh tranh bình đẳng. Điều này cho thấy cải cách hành chính và kiểm soát tham nhũng tuy có chuyển biến, nhưng chưa đủ mạnh để tạo niềm tin vững chắc về một môi trường kinh doanh hoàn toàn minh bạch, công bằng và dựa trên nguyên tắc thị trường.

3.6. Cạnh tranh bình đẳng

Năm 2025, chỉ số Chi phí không chính thức đạt 5,05 điểm.

- Có 88,46% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp (trung bình cả nước là 85,84%).

- Có 71,95% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương (trung bình cả nước là 65,76%).

- Có 78,21% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (trung bình cả nước là 62,09%).

- Có 52,56% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (trung bình cả nước là 47,76%).

- Có 39,74% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (trung bình cả nước là 26,09%).

- Có 32,05% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (trung bình cả nước là 26,1%).

- Có 21,79% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (trung bình cả nước là 19,01%).

- Có 33,33% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn thay vì doanh nghiệp nhỏ và vừa (trung bình cả nước là 30,57%).

- Có 70,51% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng các nguồn lực kinh tế chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh (trung bình cả nước là 65,32%).

- Có 60,71% doanh nghiệp được khảo sát cho biết ưu đãi cho doanh nghiệp lớn là cản trở đối với hoạt động của doanh nghiệp tôi (trung bình cả nước là 60,66%).

Mặc dù chính quyền tỉnh được doanh nghiệp đánh giá có thái độ hỗ trợ tương đối công bằng và không quá phụ thuộc vào mức độ đóng góp của doanh nghiệp, tuy nhiên vẫn tồn tại cảm nhận khá rõ về sự ưu tiên dành cho các doanh nghiệp lớn trong tiếp cận thông tin, đất đai, ưu đãi và cơ hội kinh doanh. Một bộ phận lớn doanh nghiệp cho rằng các nguồn lực kinh tế chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp có quan hệ chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước, qua đó phản ánh mức độ cạnh tranh bình đẳng trên thị trường chưa cao.

Điều này cho thấy môi trường kinh doanh của tỉnh vẫn còn khoảng cách đáng kể giữa mục tiêu hỗ trợ đồng đều cộng đồng doanh nghiệp với cảm nhận thực tế của doanh nghiệp nhỏ và vừa địa phương.

3.7. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Năm 2025, chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đạt 6,01 điểm.

- Các doanh nghiệp được khảo sát cho biết tiếp cận được 76,11% các loại hình hỗ trợ doanh nghiệp (trung bình cả nước là 67,81%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát cho biết mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng 13 chương trình hỗ trợ của tỉnh là 3,0 điểm (điểm thang 1-5, điểm cao hơn = thuận lợi hơn) (trung bình cả nước là 2,82 điểm).

- Các doanh nghiệp được khảo sát cho biết mức độ các chương trình hỗ trợ của tỉnh đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp là 3,6 điểm (điểm trung bình thang 1-4, điểm cao hơn = tốt hơn) (trung bình cả nước là 3,2 điểm).

- Có 26,58% doanh nghiệp được khảo sát tiếp cận được các chương trình hỗ trợ của tỉnh về hỗ trợ hội nhập quốc tế (trung bình cả nước là 26,71%).

- Có 39,24% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế đáp ứng được nhu cầu (trung bình cả nước là 36,8%).

- Có 5,43% doanh nghiệp được khảo sát có nhận được hỗ trợ tài chính từ nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (trung bình cả nước là 4,84%).

- Có 4,4% doanh nghiệp được khảo sát cho biết đã nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước và có thành phần hỗ trợ từ cấp tỉnh (trung bình cả nước là 3,78%).

- Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp tại tỉnh là 3,13% (trung bình cả nước là 2,79%).

- Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ tại tỉnh là 98,49% (trung bình cả nước là 98,25%).

- Có 73,81% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (trung bình cả nước là 74,66%).

- Có 56,25% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (trung bình cả nước là 61,57%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát cho biết chi phí tuyển dụng lao động chiếm 5% trong tổng chi phí kinh doanh (trung bình cả nước là 5,63%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát cho biết chi phí đào tạo lao động chiếm 7,5% trong tổng chi phí kinh doanh (trung bình cả nước là 10%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát cho biết 21,16% lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (trung bình cả nước là 24,8%).

- Điểm thi trung bình của học sinh địa phương trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia là 5,96 điểm (trung bình cả nước là 6,05 điểm).

- Có 60,47% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng lao động địa phương nhìn chung đáp ứng hoàn toàn hoặc phần lớn nhu cầu của doanh nghiệp (trung bình cả nước là 57,99%).

- Các doanh nghiệp được khảo sát đánh giá mức độ lao động địa phương đáp ứng về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số là 4,0 điểm (thang điểm 1-5, điểm cao = đáp ứng tốt hơn) (trung bình cả nước là 4,0 điểm).

Tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt ở khả năng tiếp cận các chương trình hỗ trợ, mức độ thuận lợi của thủ tục và tính phù hợp của chính sách đối với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và các hoạt động hỗ trợ hội nhập, đổi mới sáng tạo bước đầu được hình thành và vận hành theo hướng thị trường.

Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là lao động qua đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, vẫn là điểm nghẽn trung hạn của địa phương. Mặc dù lao động địa phương hiện cơ bản đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, nhưng để phục vụ mục tiêu thu hút đầu tư chất lượng cao và chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong giai đoạn tới, tỉnh cần tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề, kỹ năng kỹ thuật và năng lực lao động số.

3.8. Thiết chế pháp lý

Năm 2025, chỉ số Thiết chế pháp lý đạt 7,34 điểm.

- Có 87,8% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh tốt (trung bình cả nước là 83,13%).

- Có 4,6% doanh nghiệp được khảo sát báo cáo tình trạng bị trộm cắp hay đột nhập (trung bình cả nước là 7,07%).

- Có 12,66% doanh nghiệp được khảo sát tin tưởng và sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp kinh tế (trung bình cả nước là 22,01%).

- Có 72,46% doanh nghiệp được khảo sát sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải, trọng tài (trung bình cả nước là 60,61%).

- Có 97,53% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng hệ thống pháp luật tại địa phương bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của chủ doanh nghiệp trong các tranh chấp kinh doanh (trung bình cả nước là 92,21%).

- Có 97,53% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (trung bình cả nước là 93,48%).

- Có 91,36% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế nhanh chóng (trung bình cả nước là 88,72%).

- Có 86,08% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng các phán quyết của tòa án là công bằng, khách quan và có thể dự báo được (trung bình cả nước là 91,29%).

- Có 69,62% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng việc thi hành các bản án kinh tế có hiệu lực của tòa án diễn ra nhanh chóng, hiệu quả (trung bình cả nước là 85,49%).

- Có 94,81% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả (trung bình cả nước là 87,83%).

- Số vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 1.000 doanh nghiệp là 3,27 vụ (trung bình cả nước là 1,61 vụ).

Môi trường an ninh, trật tự và khả năng bảo vệ quyền tài sản của doanh nghiệp tại địa phương được đánh giá tương đối tích cực. Hệ thống tư pháp và cơ quan hỗ trợ pháp lý cơ bản tạo được niềm tin về tính đúng pháp luật, tốc độ giải quyết và khả năng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, niềm tin của doanh nghiệp đối với việc sử dụng tòa án như một cơ chế giải quyết tranh chấp chính thức vẫn còn hạn chế, đặc biệt do lo ngại về hiệu quả thi hành án và khả năng bảo đảm thực thi trên thực tế. Việc doanh nghiệp có xu hướng ưu tiên hòa giải, trọng tài thay cho tố tụng cho thấy môi trường kinh doanh vẫn cần tiếp tục nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật và tính hiệu quả cuối cùng của cơ chế tư pháp kinh tế.

3.9. Chính quyền kiến tạo

Năm 2025, chỉ số Chính quyền kiến tạo đạt 6,12 điểm.

- Có 64,71% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (trung bình cả nước là 59,01%).

- Có 67,47% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (trung bình cả nước là 64,27%).

- Có 64,63% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (trung bình cả nước là 61,77%).

- Có 65,48% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý rằng chủ trương, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp của chính quyền tỉnh là ổn định và nhất quán (trung bình cả nước là 60,3%).

- Có 74,39% doanh nghiệp được khảo sát tin tưởng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh (trung bình cả nước là 63,66%).

- Có 68,67% doanh nghiệp được khảo sát cho biết các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại (trung bình cả nước là 62,73%).

- Có 56,79% doanh nghiệp được khảo sát cho biết các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (trung bình cả nước là 61,62%).

- Có 57,83% doanh nghiệp được khảo sát cho biết các xã, phường không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (trung bình cả nước là 62,4%).

Doanh nghiệp đánh giá tương đối tích cực đối với tư duy điều hành, tính năng động, linh hoạt và cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của lãnh đạo tỉnh. Chính quyền địa phương được nhìn nhận có xu hướng đồng hành cùng khu vực tư nhân, chủ động tháo gỡ khó khăn và duy trì chính sách ổn định, nhất quán hơn mặt bằng chung cả nước.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa chủ trương, định hướng điều hành của lãnh đạo tỉnh với chất lượng thực thi ở cấp sở, ngành và chính quyền cơ sở. Điều này cho thấy thách thức lớn của địa phương hiện nay không chỉ là ban hành chủ trương đúng, mà là nâng cao tính đồng bộ, kỷ luật thực thi và hiệu quả phối hợp trong toàn bộ hệ thống hành chính.

4. Đề xuất một số giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần

Trên cơ sở kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 của tỉnh Gia Lai, các nhóm chỉ tiêu khảo sát cho thấy bên cạnh những kết quả tích cực vẫn còn tồn tại nhiều điểm nghẽn liên quan đến thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai, tính minh bạch, cạnh tranh bình đẳng và chất lượng thực thi chính sách. Để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và cải thiện mức độ hài lòng của doanh nghiệp, Sở Tài chính đề xuất các nhóm giải pháp trọng tâm đối với từng chỉ số thành phần PCI như sau:

4.1. Gia nhập thị trường

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục: Rà soát toàn bộ quy trình đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư và các thủ tục sau đăng ký; chuẩn hóa hồ sơ theo hướng đơn giản, thống nhất giữa các cơ quan; hạn chế tối đa việc yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ nhiều lần. Công khai bộ hồ sơ mẫu, video hướng dẫn và quy trình thực hiện theo từng loại hình doanh nghiệp.

- Rút ngắn thời gian thực tế đưa doanh nghiệp vào hoạt động: Tăng cường liên thông giữa đăng ký kinh doanh, thuế, bảo hiểm xã hội, điện lực, môi trường,

phòng cháy chữa cháy và ngân hàng; đẩy mạnh cơ chế xử lý song song thay vì tuần tự nhằm giảm thời gian chờ của doanh nghiệp.

- Cải thiện thủ tục kinh doanh có điều kiện: Rà soát các ngành nghề có điều kiện thường phát sinh vướng mắc; công khai thời gian xử lý, chi phí và quy trình giải quyết; kiểm soát tình trạng phát sinh thêm điều kiện hoặc yêu cầu ngoài quy định.

- Nâng cao chất lượng hỗ trợ doanh nghiệp mới thành lập: Thành lập Tổ công tác Gia nhập thị trường do Trung tâm Phục vụ hành chính công làm chủ trì đầu mối, có thành viên của Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, các sở chuyên ngành và Công an tỉnh; hướng dẫn trực tuyến và trực tiếp; tăng cường tư vấn miễn phí cho doanh nghiệp mới thành lập trong giai đoạn đầu hoạt động.

4.2. Tiếp cận nguồn lực

- Minh bạch thông tin đất đai: Công khai đầy đủ quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất sạch, danh mục dự án kêu gọi đầu tư và tiến độ xử lý hồ sơ đất đai; cập nhật thường xuyên trên nền tảng số để doanh nghiệp dễ tiếp cận.

- Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ đất đai: Thiết lập cơ chế phối hợp liên thông giữa tài nguyên môi trường, xây dựng, thuế và chính quyền địa phương; quy định rõ trách nhiệm và thời hạn xử lý của từng cơ quan; xử lý nghiêm hồ sơ trễ hạn kéo dài.

- Kiểm soát những nhiễu trong lĩnh vực đất đai: Tăng cường thanh tra công vụ, kiểm tra đột xuất tại bộ phận giải quyết hồ sơ đất đai; công khai đường dây nóng tiếp nhận phản ánh của doanh nghiệp; xử lý nghiêm hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu.

- Cải thiện tiếp cận tín dụng và chuyển đổi số: Tăng cường các chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng; nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu mở và nền tảng số dùng chung phục vụ doanh nghiệp.

4.3. Tính minh bạch

- Nâng cao chất lượng công khai thông tin: Chuẩn hóa dữ liệu công khai trên Cổng thông tin điện tử; bảo đảm thông tin dễ tìm kiếm, dễ khai thác, cập nhật kịp thời; công khai đầy đủ dự thảo chính sách, quy hoạch, thủ tục và kết quả giải quyết hồ sơ.

- Tăng cường minh bạch trong đấu thầu: Đẩy mạnh đấu thầu qua mạng; công khai đầy đủ hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và quá trình đánh giá; kiểm soát chặt tình trạng hạn chế cạnh tranh và xử lý nghiêm hành vi thông thầu.

- Bảo đảm tiếp cận thông tin bình đẳng: Thiết lập cơ chế giải đáp trực tuyến thống nhất; hạn chế tình trạng tiếp cận thông tin thông qua quan hệ cá nhân; công khai tiến độ xử lý công việc và trách nhiệm của từng cơ quan.

- Phát huy vai trò hiệp hội doanh nghiệp: Tăng cường tham vấn doanh nghiệp trong quá trình xây dựng chính sách; định kỳ đối thoại theo chuyên đề và công khai kết quả xử lý kiến nghị.

4.4. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

- Giảm thời gian tuân thủ thực tế của doanh nghiệp: Rà soát, cắt giảm các thủ tục trung gian; giảm thành phần hồ sơ trùng lặp; tăng tỷ lệ sử dụng dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan nhà nước để hạn chế yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại thông tin.

- Nâng cao trải nghiệm dịch vụ công trực tuyến: Chuẩn hóa giao diện và quy trình nộp hồ sơ trực tuyến; tăng tích hợp chữ ký số, thanh toán điện tử; bố trí bộ phận hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến nhằm giảm khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục điện tử.

- Kiểm soát thanh tra, kiểm tra chéo chéo: Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; hạn chế tình trạng nhiều đoàn kiểm tra cùng nội dung; ưu tiên thanh tra theo quản lý rủi ro và dữ liệu số.

- Nâng cao trách nhiệm đội ngũ công chức: Gắn kết quả cải cách hành chính và mức độ hài lòng của doanh nghiệp với đánh giá thi đua của cơ quan, đơn vị và công chức; công khai tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, trễ hạn của từng cơ quan.

4.5. Chi phí không chính thức

- Tăng cường kiểm soát công vụ: Thường xuyên kiểm tra đột xuất tại các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, đầu tư, đấu thầu, thuế; thực hiện luân chuyển cán bộ ở vị trí dễ phát sinh tiêu cực.

- Minh bạch hóa quy trình xử lý hồ sơ: Công khai toàn bộ quy trình, thời gian và người chịu trách nhiệm xử lý hồ sơ; tăng giám sát điện tử và hạn chế tiếp xúc trực tiếp không cần thiết.

- Kiểm soát rủi ro trong đấu thầu: Tăng tỷ lệ đấu thầu qua mạng; tăng thanh tra chuyên đề đối với lĩnh vực đấu thầu; xử lý nghiêm các hành vi thông thầu, tiết lộ thông tin hoặc gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tăng hiệu quả tiếp nhận phản ánh: Thiết lập cơ chế phản ánh, kiến nghị độc lập và bảo mật; công khai kết quả xử lý phản ánh tiêu cực nhằm củng cố niềm tin của doanh nghiệp.

4.6. Cạnh tranh bình đẳng

- Bảo đảm tiếp cận cơ hội bình đẳng: Công khai đồng thời các thông tin về quy hoạch, đất đai, đấu thầu và chính sách ưu đãi; hạn chế tình trạng doanh nghiệp lớn có lợi thế tiếp cận thông tin sớm hơn.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Xây dựng chương trình hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên hỗ trợ chuyển đổi số, tư vấn pháp lý, đào tạo quản trị và tiếp cận tín dụng.

- Kiểm soát cơ chế ưu đãi đầu tư: Rà soát cơ chế ưu đãi nhằm bảo đảm cạnh tranh công bằng; minh bạch tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện tiếp cận nguồn lực.

- Tăng liên kết doanh nghiệp địa phương: Hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tham gia chuỗi cung ứng của các dự án lớn; tăng cơ hội tham gia đấu thầu và cung cấp dịch vụ cho khu vực công.

4.7. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

- Nâng cao chất lượng chính sách hỗ trợ: Thiết kế chính sách hỗ trợ theo nhóm doanh nghiệp và nhu cầu thực tế; đơn giản hóa thủ tục tiếp cận các chương trình hỗ trợ và tăng đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo: Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử và đổi mới sáng tạo; khuyến khích hình thành mạng lưới tư vấn công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp.

- Hỗ trợ hội nhập quốc tế: Tăng cường đào tạo về tiêu chuẩn quốc tế, xuất khẩu, logistics và thương mại điện tử xuyên biên giới; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường và xúc tiến thương mại.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo nhu cầu doanh nghiệp; tăng đào tạo kỹ năng số, kỹ năng kỹ thuật; xây dựng cơ chế liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo.

4.8. Thiết chế pháp lý

- Duy trì môi trường an ninh ổn định: Tăng cường bảo đảm an ninh trật tự tại các khu công nghiệp, khu sản xuất kinh doanh; kiểm soát hiệu quả tội phạm kinh tế và các hành vi xâm phạm tài sản doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả thi hành án kinh tế: Rút ngắn thời gian thi hành án; tăng ứng dụng công nghệ trong theo dõi tiến độ thi hành án; nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa tòa án và cơ quan thi hành án.

- Tăng niềm tin vào cơ chế tư pháp: Tăng công khai hoạt động xét xử; nâng cao khả năng dự báo của phán quyết; tăng đối thoại giữa cơ quan tư pháp và cộng đồng doanh nghiệp.

Phát triển cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế: Khuyến khích hòa giải thương mại, trọng tài thương mại và tư vấn pháp lý doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các phương thức giải quyết tranh chấp linh hoạt, hiệu quả.

4.9. Chính quyền kiến tạo

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu: Gắn kết quả cải thiện PCI với đánh giá thi đua của các sở, ngành và địa phương; xử lý trách nhiệm đối với cơ quan để xảy ra tình trạng hồ sơ trễ hạn kéo dài hoặc gây phiền hà cho doanh nghiệp.

- Chuẩn hóa thực thi chính sách: Ban hành quy trình thực hiện thống nhất trên toàn tỉnh; tăng kiểm tra việc triển khai chủ trương của lãnh đạo tỉnh tại cấp sở, ngành và địa phương.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức: Đào tạo kỹ năng phục vụ doanh nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống và chuyển đổi số; tăng tinh thần chủ động, linh hoạt và trách nhiệm trong giải quyết công việc.

- Nâng cao hiệu quả đối thoại doanh nghiệp: Duy trì đối thoại doanh nghiệp định kỳ theo chuyên đề; theo dõi, đôn đốc và công khai kết quả xử lý các kiến nghị sau đối thoại.

Việc cải thiện Chỉ số PCI cần được thực hiện theo hướng chuyển mạnh từ cải cách hành chính hình thức sang nâng cao chất lượng trải nghiệm thực tế của doanh nghiệp; lấy mức độ hài lòng, chi phí tuân thủ, tính minh bạch và niềm tin thị trường làm trọng tâm. Trong thời gian tới, cần ưu tiên xử lý các điểm nghẽn liên quan đến đất đai, thủ tục kinh doanh có điều kiện, đấu thầu, chuyển đổi số hành chính và chất lượng thực thi ở cấp cơ sở.

Trên đây là báo cáo tình hình Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 của tỉnh Gia Lai, Sở Tài chính kính báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, cơ quan của tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các Phòng, Trung tâm thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTXT(T.Duy).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Châu
Nguyễn Văn Châu